UBND TỈNH TIỀN GIANG
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CT THỦY LỢI
MST: 1200100596
Số: 403 /KH-TL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2020

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH & ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Đã được Đại diện Chủ sở hữu phê duyệt tại Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020)

I- TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Các chỉ tiêu chủ yếu					
-	*Công trình cống*	*cống*	*150*	*153*	*102%*	
-	*Công trình kênh*	*km*	*1.120,92*	*1.158,63*	*103,36%*	
-	*Trạm bơm*	*trạm*	*01*	*01*	*100%*	
-	*Diện tích tưới tiêu*	*ha*	*338.072*	*336.786*	*99,62%*	
2	Tổng doanh thu	1.000 đ	30.326.790	30.028.026	99,01%	
3	Tổng chi phí	1.000 đ	30.326.790	29.532.799	97,38%	
4	Lợi nhuận	1.000đ	-	495.227		
5	Nộp ngân sách	1.000 đ	-	133.000		
6	Tổng lao động	người	154	143,25	93,02%	Thực hiện là số bình quân
-	*Người quản lý DN*	*người*	*4*	*3,5*		
-	*Người lao động*	*người*	*150*	*139,75*		
7	Tổng quỹ lương	1.000 đ	15.527.853	15.377.853	99,03%	
-	*Người quản lý DN*	*1.000đ*	*1.068.000*	*918.000*	*85,96%*	
-	*Phụ cấp Kiểm soát viên*	*1.000đ*	*40.320*	*40.320*	*100%*	
-	*Người lao động*	*1.000 đ*	*14.419.533*	*14.419.533*	*100%*	
8	Đầu tư phát triển 2019	*1.000 đ*	719.353	641.051	89,11%	

Ghi chú:

- Trong năm 2019, Công ty đã được UBND tỉnh giao quản lý thêm 03 cống gồm: cống Chùa 1, cống Rạch Sơn và cống Cầu Cống.

- Chiều dài công trình kênh cấp 1 tăng do tăng theo Quyết định 04/QĐ-UBND.

- Diện tích gieo trồng giảm do điều chỉnh lại diện tích, thống nhất số liệu thống kê, kiểm kê diện tích đất đai phân theo đơn vị hành chính của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã; Trừ giải tỏa để xây dựng các công trình cống, đường giao thông nông thôn, khu vực hành chánh và chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ lúa màu sang cây lâu năm, chuyển thổ cư, mục đích sử dụng khác....

- Kế hoạch tài chính năm 2019 có điều chỉnh theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc điều chỉnh giao kế hoạch quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý năm 2019 cho Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang.

2. Về thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các Sở ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Công ty.

- Công tác quản lý vận hành công trình phục vụ sản xuất được địa phương quan tâm. CBCNV Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chủ động trong công tác vận hành công trình đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất.

b) Khó khăn:

- Đối với các công trình mới nhận, khi bàn giao còn thiếu hồ sơ về đất đai nên gây khó khăn cho việc bổ sung tăng vốn tài sản (*theo quy định Luật Thủy lợi*) và lập giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Công tác bảo vệ công trình thủy lợi chưa được địa phương quan tâm đúng mức nên các trường hợp vi phạm phạm vi bảo vệ công trình vẫn còn tồn tại và tiếp tục phát sinh do địa phương chưa xử lý triệt để.

- Việc tuyển dụng lao động gặp khó khăn về nguồn nhân sự.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

1. Dự báo tình hình năm 2020

Ngay từ đầu năm tình hình khí tượng thủy văn diễn biến vô cùng phức tạp. Thượng nguồn lũ nhỏ, mùa mưa năm 2019 kết thúc sớm, mặn trên các cửa sông lại xuất hiện sớm, cao hơn dự báo, độ mặn tăng cao, xâm nhập sớm và hết sức khốc liệt, vượt qua lịch sử độ mặn năm 2016 lấn sâu nhanh vào nội đồng tỉnh Tiền Giang ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc lấy nước của các cống thuộc dự án Gò Công, Bảo Định, Phú Thạnh - Phú Đông, Đông Tây Ba Rài, Cái Bè Trà Lọt; việc tưới tiêu cấp nước phục sản xuất vườn cây ăn trái các huyện phía Tây và việc cấp nước sinh hoạt cho nhà máy nước Bình Đức, BOO Đồng Tâm.

Do tình hình hạn mặn diễn biến phức tạp gây thiếu nước trầm trọng thêm nữa khả năng mùa mưa năm 2020 đến trễ nên tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty sẽ gặp nhiều khó khăn do không đủ nước phục vụ vụ Đông Xuân 2019-2020 và phải mất nhiều thời gian vận hành công trình tháo rữa mặn, ô nhiễm dẫn đến việc phục vụ sản xuất ở các vụ tiếp theo sẽ không đạt.

2. Mục tiêu, định hướng phát triển năm 2020

a) Về quản lý khai thác công trình thủy lợi

- Tổ chức quản lý khai thác công trình bảo đảm khai thác tối đa hiệu quả phục vụ và an toàn tuyệt đối cho công trình, con người và thiết bị. Trong đó chuẩn bị điều kiện để tiếp nhận bàn giao đưa vào sử dụng mới từ 28 đến 32 công trình cống sau khi hoàn thiện các dự án.

- Nâng cao hiệu quả phục vụ nước sản xuất và dân sinh trong toàn tỉnh để bảo đảm tưới tiêu tạo nguồn hệ thống thủy lợi nội đồng cho 336.786ha diện tích gieo trồng (*105.669ha diện tích canh tác*) trong toàn tỉnh.

- Tăng cường bảo dưỡng, sửa chữa công trình nhằm tránh xuống cấp, tạo vẽ mỹ quan cho công trình, bảo đảm năng lực vận hành của công trình đúng theo năng lực thiết kế.

b) Về quản lý lao động, tiền lương

- Tuyển dụng, bố trí phân công lao động đủ theo số lao động kế hoạch là 160 người.

- Tiền lương người lao động thực hiện theo quy định trả lương trên cơ sở hệ số lương theo thang bảng lương của công ty và mức lương tối thiểu của doanh nghiệp. Tiền lương viên chức quản lý áp dụng theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nghị định 52/2016 nêu trên.

c) Về tài chính, quản lý doanh nghiệp

- Thực hiện các biện pháp quản lý tài chính đúng theo quy định tài chính kế toán hiện hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo thu nhập của người lao động bằng mức trung bình của các doanh nghiệp trong toàn tỉnh.

3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Các chỉ tiêu chủ yếu			
-	*Công trình cống*	*cống*	*153*	*184*
-	*Công trình kênh*	*km*	*1.158,63*	*1.158,63*
-	*Trạm bơm*	*cái*	*1*	*1*
-	*Diện tích tưới tiêu tạo nguồn kết hợp*	*ha*	*336.786*	*336.786*
2	Tổng doanh thu	1.000đ	30.028.026	31.495.600
3	Tổng chi phí	1.000đ	29.532.799	31.495.600
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	495.227	148.568
5	Nộp ngân sách	1.000đ	133.000	32.713
6	Viên chức và người lao động b/q	người	143,25	164
-	*Người quản lý doanh nghiệp*	*người*	*3,5*	*4*
-	*Người lao động*	*người*	*139,75*	*160*
7	Tổng quỹ lương	1.000đ	15.377.853	17.758.320
-	*Người quản lý doanh nghiệp*	*1.000đ*	*918.000*	*1.068.000*
-	*Phụ cấp kiểm soát viên*	*1.000đ*	*40.320*	*40.320*
-	*Người lao động*	*1.000đ*	*14.419.533*	*16.650.000*
8	Đầu tư phát triển năm 2020	1.000đ	641.051	-

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính

- Quản lý hiệu quả doanh thu đặt hàng để khai thác, vận hành và phát huy hiệu quả các công trình thủy lợi nhằm điều tiết nước hợp lý, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp về quản lý và khai thác công trình

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 421/KH -UBND ngày 12/12/2019 và Phương án số 425/PA-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ứng phó khẩn cấp phòng chống hạn, mặn trong mùa khô năm 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên; đề xuất sửa chữa lớn các công trình chưa phát huy được hiệu quả theo năng lực thiết kế, thay mới các cửa và phai cống không bảo đảm ngăn mặn.

- Tăng cường nâng cao quản lý kỹ thuật công trình, chú trọng các công tác tiếp nhận, quản lý hồ sơ lý lịch, quy trình vận hành của từng công trình, hệ thống công trình.

- Tiếp tục duy trì thông thoáng lòng kênh theo Phương án số 253/PA-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh, đồng thời phối hợp với các địa phương kiểm tra các hệ thống kênh, rạch còn lại để đảm bảo thông thoáng, lưu thông dòng chảy phục vụ cho sản xuất và dân sinh, đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Áp dụng các công nghệ mới trong vận hành công trình hoặc hệ thống công trình. Đối với từng dự án đưa ra kế hoạch vận hành hệ thống công trình theo đúng quy mô, nhiệm vụ. Cụ thể:

+ Khu vực dự án Cái Bè-Trà Lọt và Đông-Tây Ba Rài: Quản lý vận hành công trình bảo đảm ngăn mặn, ngăn lũ, triều cường; vận hành công trình đảm bảo tưới tiêu phục vụ tốt sản xuất cho toàn bộ diện tích của dự án.

+ Khu vực dự án Bảo Định: Tăng cường phối hợp với cơ quan quản lý thủy nông tỉnh Long An để tiêu thoát úng, phèn, mặn qua công trình cống Rạch Chanh, Bắc Đông, Rạch Tràm...cho số diện tích phía Bắc của dự án. Tổ chức vận hành công trình bảo đảm cung cấp nước ngọt, ngăn mặn, tiêu úng, xổ xả ô nhiễm phục vụ tốt cho toàn bộ diện tích sản xuất của dự án và cấp nước ngọt cho 2 nhà máy nước Bình Đức và BOO Đồng Tâm.

+ Khu vực dự án Gò Công: Xây dựng các biện pháp vận hành công trình đầu mối, đặc biệt là cống Xuân Hòa nhằm bảo đảm ngăn mặn để cung cấp đủ nước ngọt cho sản xuất vụ Đông Xuân. Thường xuyên xổ xả ô nhiễm nguồn nước mặt trong toàn hệ thống để phục vụ sản xuất và dân sinh. Thông tin và phối hợp cùng địa phương trong vận hành công trình để thực hiện tốt việc chống úng, hạn cục bộ.

+ Khu vực dự án Phú Thạnh-Phú Đông: Tăng cường kiểm soát mặn, lấy ngọt bảo đảm cho sản xuất. Vào mùa mặn, thường xuyên duy trì mực nước nội đồng trên kênh rạch để hạn chế hiện tượng xì phèn. Xổ xả thường xuyên vào đầu vụ để cải tạo chất lượng nước nội đồng. Chú trọng việc bồi lắng thượng hạ lưu cống do thời gian đóng ngăn mặn kéo dài để bảo đảm hoạt động của công trình.

- Phối hợp với các ban ngành, chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức hội nghị dùng nước, hội nghị đầu bờ của từng khu vực, dự án, tiểu dự án. Tổ chức thông tin lịch vận hành công trình, mực nước, diễn biến phèn, mặn rộng rãi đến người dân thông qua tài liệu, văn bản, phát thanh truyền hình,...

3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế về quản lý nhân sự, tiền lương phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội từng năm nhằm thu hút, khuyến khích người lao động phát huy tối đa sự sáng tạo, làm việc đạt năng suất và hiệu quả.

- Tuyển chọn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật thông qua việc xét tuyển nhằm bảo đảm tuyển dụng những lao động có kinh nghiệm, thạo việc, có thể làm việc được ngay. Chú trọng đào tạo và tuyển dụng số lao động phổ thông có trình độ nhất định trong công tác quản lý kênh, quản lý cống vừa và nhỏ.

- Đối với số lao động hiện có thì thường xuyên tổ chức tập huấn, sát hạch, đào tạo lại, thi nâng bậc... để bảo đảm nguồn nhân lực kế thừa có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành.

4. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Tăng cường đầu tư công nghệ trong quản lý điều hành, thông tin liên lạc thông suốt đến từng công trình. Tiếp tục duy trì và cải tiến các phần mềm về quản lý tài chính, nhân sự, quản lý hồ sơ lý lịch công trình, mạng đo đạc mực nước...

- Áp dụng các công nghệ mới, cải tiến công nghệ trong vận hành công trình và hệ thống công trình. Ứng dụng các vật liệu mới trong chế tạo, sửa chữa cửa cống. Tích cực áp dụng các biện pháp xử lý kỹ thuật mới, các biện pháp vận hành công trình, phi công trình.

- Trang bị và đưa vào sử dụng các thiết bị mới về quan trắc, đo đạc tự động, vận hành cửa cống; thay thế dần các máy đóng mở, tời trục không an toàn theo hướng hiện đại, khi có điều kiện sẽ thay thế các máy móc vận hành thủ công chuyển sang chạy điện.

5. Giải pháp về quản lý điều hành

- Tuân thủ triệt để các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bám sát vào định hướng quy hoạch thủy lợi giai đoạn 2016-2020 của tỉnh để có những chuyển biến tích cực, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Rà soát và xây dựng quy trình quản lý điều hành theo hướng đổi mới, tiên tiến. Đề ra các biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với các đơn vị trực thuộc.

6. Kế hoạch đầu tư, phát triển năm 2020: không.

Nơi nhận
- Bộ KH&ĐT;
- UBND tỉnh TG;
- Sở KH&ĐT TG;
- Lưu VT, KH-KT.

GIÁM ĐỐC



Trần Hoàng Bá

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

Stt	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	**Quản lý khai thác công trình**			
*	Công trình cống	cống	184	
*	Công trình kênh	km	1.158,63	
*	Trạm bơm	trạm	01	
*	Diện tích tưới tiêu tạo nguồn kết hợp	ha	336.786	
-	*Diện tích gieo trồng*	*ha*	*336.786*	
-	*Diện tích canh tác*	*ha*	*183.561*	
2	**Tổng doanh thu**	1.000đ	**31.495.600**	
3	**Tổng chi phí**	1.000đ	**31.495.600**	
4	**Lợi nhuận trước thuế**	1.000đ	**148.568**	
5	**Nộp ngân sách**	1.000đ	**32.713**	
6	**Vốn chủ sở hữu**	1.000đ	**311.417.647**	
7	**Tổng lao động**	người	**164**	
*	Người quản lý doanh nghiệp	người	4	
*	Người lao động	người	160	
8	**Tổng quỹ lương**	1.000đ	**17.758.320**	
*	Người quản lý doanh nghiệp	1.000đ	1.068.000	
*	Phụ cấp Kiểm soát viên	1.000đ	40.320	
*	Người lao động	1.000đ	16.650.000	
9	**Kế hoạch đầu tư phát triển 2020**	1.000đ	-	